

Bản án số: **67/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 25-5-2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hồ Phi Công  
Bà Nguyễn Thị Huỳnh Thoa.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Đỗ Văn Thiêm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Huệ - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Châu Ngọc L, sinh năm: 1988 (có mặt).

Địa chỉ: ấp V, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh Lầu A X, sinh năm: 1986 (có mặt).

Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:*

Ông Nguyễn Đức Đ - Văn phòng Luật sư Nguyễn Đức Đ, luật sư thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Châu Ngọc L trình bày: Chị và anh Lầu A X tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2017, tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã. Anh Lầu A X thường chửi mắng, hăm dọa chị, cuộc sống vợ chồng trở nên áp lực. Anh chị đã sống ly thân từ ngày 18/01/2021 đến nay. Quá trình không sống chung anh chị không hòa giải hàn gắn tình cảm vì chị không muốn sống chung với anh X nữa. Hiện nay, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lầu A X.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Lầu Thiên A, sinh ngày 23/8/2018, cháu Ân hiện nay đang sống cùng chị. Chị yêu cầu Tòa án giao cháu Ân cho chị trực tiếp nuôi dưỡng vì cháu A còn quá nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Chị yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 3.000.000 đồng. Hiện nay chị làm công nhân, thu nhập hàng tháng khoảng 6.000.000 đồng. Chi phí thực tế hàng tháng chị L nuôi dưỡng cháu A là 4.000.000 đồng gồm các khoản tiền: Tiền gửi cháu A ở nhà trẻ hàng tháng là 1.000.000 đồng; tiền đồ ăn, sữa, tã và các chi phí khác là 3.000.000 đồng. Hiện nay, chị và cháu A đang sống cùng cha mẹ đẻ của chị, cha mẹ đẻ chị có hỗ trợ chị trong việc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Lầu A X trình bày: anh thống nhất với lời trình bày của chị L về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn.

Cuộc sống chung của anh chị có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do thỉnh thoảng vợ chồng có lời qua tiếng lại về vấn đề tiền bạc. Khi hai vợ chồng sống riêng, một mình anh đi làm, không đủ điều kiện kinh tế chu cấp cho gia đình nên về nhà anh có cãi vã với chị L. Anh chị đã sống ly thân với nhau đã hơn 02 tháng nay. Việc chị L tự ý ra ở riêng là do tự chị L bỏ đi khỏi nhà chứ không phải do anh đuổi. Hiện nay, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng nên anh đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung như chị L đã trình bày. Khi ly hôn, anh không đồng ý giao cháu Ân cho chị L nuôi dưỡng. Anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu A và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con vì anh có điều kiện kinh tế hơn chị L nên sẽ đảm bảo tốt cho cháu A hơn. Hiện nay anh làm công nhân, thu nhập hàng tháng là 9.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, anh có nhà riêng, có thu nhập ổn định, không phụ thuộc vào cha mẹ, anh được cha mẹ tặng cho quyền sử dụng đất nên đủ điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng con chung.

Nếu giao cháu Ân cho chị L nuôi dưỡng thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh chị không có nợ chung.

- *Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:* Cuộc sống chung của anh X và chị L xảy ra nhiều mâu thuẫn nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận cho anh X và chị L thuận tình ly hôn. Về con chung thì chị L đang có 01 người con riêng nên phải nuôi đứa con riêng này. Cháu Ân là con chung, anh X vẫn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với con chung. Nên giao con cho anh X vì anh X là người sống chuẩn mực trong cuộc sống và đang có điều kiện kinh tế tốt hơn nguyên đơn. Anh X nuôi dưỡng con chung sẽ tạo điều kiện cho chị L thăm nom, chăm sóc nếu sau này anh X nuôi không tốt, chị L có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con sau khi ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giao con chung là cháu A cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cơ bản đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chị Châu Ngọc L và anh Lâu A X đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Châu Ngọc L và anh Lâu A X. Về con chung: Giao cháu Lâu Thiên A cho chị Châu Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh Lâu A X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là hàng tháng là 3.000.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung đề nghị không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Chị Châu Ngọc L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lâu A X, yêu cầu nuôi dưỡng con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bị đơn anh Lâu A X có nơi cư trú tại ấp G, xã T, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc theo quy định tại Điều 28, Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Châu Ngọc L và anh Lâu A X tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định của

pháp luật.

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: Chị Châu Ngọc L khai cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã. Anh Lầu A X thường chửi mắng, ham dọa chị, cuộc sống vợ chồng trở nên áp lực. Anh chị đã sống ly thân từ ngày 18/01/2021 đến nay. Quá trình không sống chung anh chị không hòa giải hàn gắn tình cảm vì chị không muốn sống chung với anh X nữa. Anh X cũng thừa nhận cuộc sống chung của anh chị có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do thỉnh thoảng vợ chồng có lời qua tiếng lại về vấn đề tiền bạc. Khi hai vợ chồng sống riêng, một mình anh đi làm, không đủ điều kiện kinh tế chu cấp cho gia đình nên về nhà anh có cãi vã với chị L. Anh chị đã sống ly thân với nhau đã hơn 02 tháng nay. Anh cho rằng mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng nên anh đồng ý ly hôn với chị L. Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân của chị L và anh X mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên công nhận sự thuận tình ly hôn của chị L và anh X là phù hợp với Điều 55 Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: anh chị có 01 con chung là cháu Lầu Thiên A, sinh ngày 23/8/2018. Xét thấy, chị L và anh X đều có điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng cháu Ân. Hiện nay, cháu Ân đang sống cùng chị L, cháu Ân còn nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ nên giao cháu Ân cho chị L nuôi dưỡng để cháu có thể phát triển tốt về cả thể chất và tinh thần là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L yêu cầu anh X cấp dưỡng để chị nuôi cháu Ân hàng tháng là 3.000.000 đồng. Chị L trình bày chi phí thực tế hàng tháng chị L nuôi dưỡng cháu Ân là 4.000.000 đồng gồm các khoản tiền: Tiền gửi cháu Ân ở nhà trẻ hàng tháng là 1.000.000 đồng; tiền đồ ăn, sữa, tã và các chi phí khác là 3.000.000 đồng. Anh X đồng ý cấp dưỡng để chị L nuôi con hàng tháng là 3.000.000 đồng. Xét thấy, chi phí mà chị L trình bày để nuôi dưỡng cháu Ân hàng tháng số tiền 4.000.000 đồng là phù hợp với tình hình thực tế để nuôi dưỡng một cháu bé khoảng 03 tuổi. Thu nhập hàng tháng của anh X là khoảng 9.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, thu nhập của anh X ổn định và đủ điều kiện kinh tế để cấp dưỡng nuôi con cho chị L nên buộc anh X cấp dưỡng nuôi con hàng là 3.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 110 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: chị L và anh X không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết

[5] Về nợ chung: Chị L và anh X đều trình bày anh chị không có nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Anh X phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận phần phù hợp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Châu Ngọc L.

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Châu Ngọc L và anh Lầu A X.

2. Về con chung: Giao cháu Lầu Thiên A, sinh ngày 23/8/2018 cho chị Châu Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lầu A X có nghĩa vụ cấp dưỡng để chị Châu Ngọc L nuôi cháu Lầu Thiên A là với số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Lầu Thiên A đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Lầu A X được quyền thăm nom con chung nhưng không gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Châu Ngọc L.

Khi cần thiết, chị Châu Ngọc L và anh Lầu A X được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, không giải quyết.

4. Về nợ chung: không có, không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Châu Ngọc L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí chị Châu Ngọc L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc theo biên lai thu số 0004703 ngày 25 tháng 01 năm 2021 được khấu trừ vào án phí. Chị Châu Ngọc L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lầu A X phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Châu Ngọc L và anh Lầu A X được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND cấp xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Thanh**